

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**



---

Tháng 3 năm 2017

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27

# CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Phòng 205, Khu đô thị Đại Kim, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Quang Nam	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2016)
Ông Nguyễn Giang Nam	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 07 năm 2016)
Ông Nguyễn Vũ Trọng Minh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 07 năm 2016)
Ông Phan Hồng Sơn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2016)
Bà Lê Thị Quyên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2016)
Ông Trần Khắc Hùng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2016)
Ông Lê Phương Nam	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2016)
Ông Võ Quang Phong	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2016)
Ông Nguyễn Thế Sơn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 07 năm 2016)
Ông Trịnh Hữu Tuấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 07 năm 2016)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Quang Nam	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2016)
Ông Lê Phương Nam	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2016)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đặng Quang Nam**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 03 tháng 03 năm 2017





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Address: 15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi  
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvieta.com.vn Website: www.ifcvieta.com.vn

Số: 16.03/2017/BCKT-IFC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sara Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 03 tháng 03 năm 2017, từ trang 5 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Nam Cường**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1950-2013-072-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn  
Tài chính Quốc tế (IFC)**

*Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2017*

A blue ink signature of Nguyễn Huy Hùng.

**Nguyễn Huy Hùng**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2335-2013-072-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>13.942.622.331</b>	<b>10.694.739.976</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.110.079.765</b>	<b>22.597.600</b>
1. Tiền	111	V.1	4.110.079.765	22.597.600
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.727.928.021</b>	<b>10.672.142.376</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	9.601.738.716	1.355.940.453
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	823.000.000	9.588.591.794
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	253.189.305	2.871.401.423
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(950.000.000)	(3.144.007.437)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	216.143
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>67.599.999</b>	-
1. Hàng tồn kho	141	V.6	67.599.999	-
<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>37.014.546</b>	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		37.014.546	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7.338.811.543</b>	<b>13.181.233.020</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.922.199.930</b>	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	3.922.199.930	-
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.416.611.613</b>	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	3.416.611.613	-
- Nguyên giá	222		4.799.685.561	1.034.561.547
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.383.073.948)	(1.034.561.547)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		130.909.127	130.909.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(130.909.127)	(130.909.127)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.8	-	<b>10.266.497.188</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	10.266.497.188
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	<b>2.914.735.832</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.9	-	3.300.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(385.264.168)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>21.281.433.874</b>	<b>23.875.972.996</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 01-DN  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.870.713.015</b>	<b>11.236.055.056</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.870.713.015</b>	<b>5.048.585.590</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	2.550.182.613	2.222.677.627
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	811.615.000	121.615.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.833.181.242	1.877.440.666
4. Phải trả người lao động	314		265.681.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		312.970.000	15.310.400
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		9.608.573	713.567.310
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		87.474.587	97.974.587
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>6.187.469.466</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	-	6.187.469.466
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>15.410.720.859</b>	<b>12.639.917.940</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>15.410.720.859</b>	<b>12.639.917.940</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.863.107.311	2.863.107.311
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(7.452.386.452)	(10.223.189.371)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(10.223.189.371)	(9.702.101.861)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.770.802.919	(521.087.510)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>21.281.433.874</b>	<b>23.875.972.996</b>



**Đặng Quang Nam**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 03 tháng 03 năm 2017

**Phạm Thị Minh Thư**  
 Phụ trách kế toán

**Phạm Thị Minh Thư**  
 Người lập biểu




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 02-DN  
Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	12.585.188.336	51.272.727
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		12.585.188.336	51.272.727
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.561.923.643	41.018.182
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.023.264.693	10.254.545
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		442.706	6.142
6. Chi phí tài chính	22	VI.3	769.908.532	42.264.441
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
7a. Chi phí bán hàng	25	VI.4	122.015.507	-
7b. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	1.357.899.276	489.083.756
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.773.884.084	(521.087.510)
9. Thu nhập khác	31	VI.5	1.157.813.000	-
10. Chi phí khác	32	VI.6	7.160.894.165	-
11. Lợi nhuận khác	40		(6.003.081.165)	-
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.770.802.919	(521.087.510)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.770.802.919	(521.087.510)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.385	(261)
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.385	(261)



  
Đặng Quang Nam  
Tổng Giám đốc  
Ngày 03 tháng 03 năm 2017

  
Phạm Thị Minh Thư  
Phụ trách kế toán

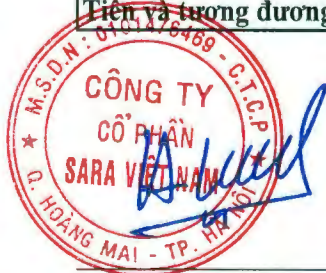
  
Phạm Thị Minh Thư  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 03-DN  
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	5.597.908.907	320.000.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.111.564.600)	(1.349.136.307)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.198.364.455)	(397.298.700)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(781.195.187)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.144.375.752	1.556.406.142
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.429.120.958)	(232.246.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.222.039.459</b>	<b>(102.275.165)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(280.000.000)	-
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.145.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	442.706	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.865.442.706</b>	<b>-</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>4.087.482.165</b>	<b>(102.275.165)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>22.597.600</b>	<b>124.872.765</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4.110.079.765</b>	<b>22.597.600</b>



**Đặng Quang Nam**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 03 tháng 03 năm 2017

**Phạm Thị Minh Thư**  
 Phụ trách kế toán

**Phạm Thị Minh Thư**  
 Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004132 ngày 12 tháng 04 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 25 tháng 10 năm 2016, Công ty chuyển số đăng ký kinh doanh từ số 0103004132 sang số 0101476469, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 2.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Theo lần thay đổi trên, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Đặng Quang Nam (chức danh Tổng Giám đốc), địa chỉ trụ sở chính tại Biệt thự số 35BT5, khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 01 năm 2008, Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước đã chính thức chấp thuận cho Công ty Cổ phần Sara Việt Nam được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã số cổ phiếu là SRA.

Tổng số lao động tại Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 20 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 04 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải và hàng vải sợi may mặc;
- Sản xuất, buôn bán vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ ăn uống, giải khát; kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- Tư vấn về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, tin học;
- Sản xuất phần mềm vi tính;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất).
- Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
- Các hoạt động khác...

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



## **II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

## **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm hệ thống dự toán, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 của Bộ Tài chính ban hành.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	-	21.736.492
Tiền gửi ngân hàng	4.110.079.765	861.108
<b>Cộng</b>	<b>4.110.079.765</b>	<b>22.597.600</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Kanpeki Nhật Bản	1.055.333.600	-
Công ty CP thiết bị y tế Triết Tôn Tiên	3.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản VHS	3.916.405.116	-
Doanh nghiệp tư nhân Phước Thủy	500.000.000	500.000.000
Các đối tượng khác	330.000.000	855.940.453
<b>Cộng</b>	<b>9.601.738.716</b>	<b>1.355.940.453</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc Đô thị UAC	450.000.000	450.000.000
Công ty Kanpeki Nhật Bản (*)	370.000.000	-
Các đối tượng khác	3.000.000	9.138.591.794
<b>Cộng</b>	<b>823.000.000</b>	<b>9.588.591.794</b>

(\*) Khoản tiền trả trước cho Công ty Kanpeki theo quy định tại hợp đồng mua hàng hóa thiết bị y tế.

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
<b>Tạm ứng</b>	<b>241.908.042</b>	<b>2.336.000.000</b>
<b>Phải thu khác</b>	<b>11.281.263</b>	<b>535.401.423</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sara 425	-	363.273.090
Đặng Đình Ban	-	150.000.000
Võ Quang Phong	-	10.000.000
Các đối tượng khác	11.281.263	12.128.333
<b>Cộng</b>	<b>253.189.305</b>	<b>2.871.401.423</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ (*)	3.922.199.930	-
<b>Cộng</b>	<b>3.922.199.930</b>	<b>-</b>

(\*) Đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ trong Dự án “Khu xử lý tập trung rác thải y tế bằng công nghệ đốt áp suất trên” theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 1808/2016/HĐHTKD-SRAVN-SRAPT ngày 15 tháng 11 năm 2016 với tổng vốn dự kiến của Dự án là 78.443.998.595 đồng trong thời gian 50 năm. Tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận là 5:95

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự 35BT5, khu đô thị Pháp Vân-Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt  
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
 ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5. Nợ xấu**

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND		VND	VND	
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>	<b>950.000.000</b>	<b>-</b>		<b>3.394.561.437</b>	<b>250.554.000</b>	
Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường	-	-		825.180.000	247.554.000	1 - 2 năm
Doanh nghiệp tư nhân Phước Thủy	500.000.000	-	Trên 3 năm	500.000.000	-	3 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư XD Sara 425	-	-		584.600.453	-	3 năm
Công ty Cổ phần Delta	-	-		903.244.331	-	3 năm
Công ty CP tư vấn kiến trúc đô thị UAC	450.000.000	-	Trên 3 năm	450.000.000	-	3 năm
Các đối tượng khác	-	-		131.536.653	3.000.000	3 năm
<b>Cộng</b>	<b>950.000.000</b>	<b>-</b>		<b>3.394.561.437</b>	<b>250.554.000</b>	

**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hoá	67.599.999	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>67.599.999</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2016	207.782.115	317.059.632	509.719.800	1.034.561.547
Mua trong năm	-	-	280.000.000	280.000.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	3.485.124.014	-	-	3.485.124.014
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>3.692.906.129</b>	<b>317.059.632</b>	<b>789.719.800</b>	<b>4.799.685.561</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2016	207.782.115	317.059.632	509.719.800	1.034.561.547
Khấu hao trong năm	348.512.401	-	-	348.512.401
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>556.294.516</b>	<b>317.059.632</b>	<b>509.719.800</b>	<b>1.383.073.948</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2016	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>3.136.611.613</b>	<b>-</b>	<b>280.000.000</b>	<b>3.416.611.613</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.034.561.547 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.034.561.547 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Giá trị Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các công trình tồn nhiều năm được Công ty kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm là 6.781.373.174 đồng; phân loại hình thành tài sản cố định là 3.485.124.014 đồng.

**9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Ghi giảm khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Borsmi theo thỏa thuận mua bán cổ phần ngày 25 tháng 07 năm 2016 giữa ông Lê Tùng Lâm và Công ty Cổ phần Sara Việt Nam, Công ty Cổ phần Sara Việt Nam đã thực hiện chuyển nhượng 330.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Bormi cho ông Lê Tùng Lâm, giá chuyển nhượng là 6.500 đồng/cổ phần, tổng giá trị hợp đồng là 2.145.000.000 đồng. Từ ngày 26 tháng 07 năm 2016 đến ngày 27 tháng 07 năm 2016, ông Lê Tùng Lâm đã trả tiền chuyển nhượng cổ phần cho Công ty Cổ phần Sara Việt Nam.

**10. Người mua trả tiền trước**

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Huệ Lộc	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH FANUC Việt Nam	21.615.000	21.615.000
Khoa tiêu hóa Bệnh viện Bạch Mai (*)	690.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>811.615.000</b>	<b>121.615.000</b>

(\*) Khoản tiền người mua trả tiền trước theo quy định của Hợp đồng mua bán hàng hóa thiết bị y tế với Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự 35BT5, khu đô thị Pháp Vân-Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Công ty CP SXKD Dược và Trang thiết bị y tế Việt Mỹ	1.384.259.986	1.384.259.986	-	-
Trường ĐH CNTT-ĐHQG TP.HCM	423.712.527	423.712.527	423.712.527	423.712.527
Công ty CP Đầu tư Lou	308.000.000	308.000.000	-	-
Công ty TNHH đầu tư TM và DV Vạn Cường	265.500.000	265.500.000	265.500.000	265.500.000
Các đối tượng khác	168.710.100	168.710.100	1.533.465.100	1.533.465.100
<b>Cộng</b>	<b>2.550.182.613</b>	<b>2.550.182.613</b>	<b>2.222.677.627</b>	<b>2.222.677.627</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2016	Số phải nộp	Số đã thực nộp	31/12/2016
	VND	trong năm VND	trong năm VND	VND
<b>Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	28.620.044	1.232.401.216	495.978.625	765.042.635
Thuế thu nhập doanh nghiệp	767.228.720	13.966.467	781.195.187	-
Thuế thu nhập cá nhân	44.263.032	44.337.000	54.545.032	34.055.000
Tiền phạt chậm nộp	1.037.328.870	338.187.844	341.433.107	1.034.083.607
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.877.440.666</b>	<b>1.631.892.527</b>	<b>1.676.151.951</b>	<b>1.833.181.242</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**13. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn;	9.608.573	9.848.573
Bảo hiểm xã hội;	-	294.890.450
Bảo hiểm y tế;	-	37.911.451
Bảo hiểm thất nghiệp;	-	20.916.836
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	-	350.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.608.573</b>	<b>713.567.310</b>

**14. Phải trả dài hạn khác**

Khoản góp vốn của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sara theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 98/2011/HTKD về việc Hợp tác đầu tư, xây dựng, kinh doanh Dự án Xây dựng khu chức năng đô thị Sara tại Cầu Nổi, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội với số tiền 6.187.469.466 đồng.

Ngày 26 tháng 07 năm 2016 Công ty Cổ phần Sara Việt Nam đã chuyển trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Sara số tiền là 6.187.469.466 đồng theo thanh lý hợp đồng Hợp đồng được ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Sara. Công ty Cổ phần Sara Việt Nam chịu các khoản chi phí của Dự án Xây dựng khu chức năng đô thị Sara.

**15. Vốn chủ sở hữu**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	20.000.000.000	2.863.107.311	(9.702.101.861)	13.143.810.815
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	(521.087.510)	(521.087.510)
Số dư tại ngày 31/12/2016	20.000.000.000	2.863.107.311	(10.223.189.371)	12.639.917.940
Lãi/(Lỗ) trong năm	-	-	2.770.802.919	2.770.802.919
Số dư tại ngày 31/12/2016	<b>20.000.000.000</b>	<b>2.863.107.311</b>	<b>(7.452.386.452)</b>	<b>15.410.720.859</b>

**b. Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.000.000	2.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**16. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - bộ phận hoạt động xây dựng, bộ phận hoạt động quản lý phần mềm và bộ phận quản lý các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận hoạt động xây dựng: chuyên quản lý các hoạt động liên quan đến lĩnh vực đầu tư xây dựng.  
 Bộ phận hoạt động quản lý phần mềm: chuyên quản lý các hoạt động liên quan đến phần mềm.  
 Bộ phận hoạt động khác: chuyên quản lý các hoạt động bán hàng hóa thiết bị y tế, đầu tư tài chính...

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

	Hoạt động Xây dựng VND	Hoạt động QL phần mềm VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	-	7.956.220.580	9.215.133.529	17.171.354.109
Tài sản không phân bổ	-	-	-	4.110.079.765
<b>Tổng tài sản</b>	-	<b>7.956.220.580</b>	<b>9.215.133.529</b>	<b>21.281.433.874</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	-	1.187.537.627	2.174.259.986	3.361.797.613
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	2.508.915.402
<b>Tổng nợ phải trả</b>	-	<b>1.187.537.627</b>	<b>2.174.259.986</b>	<b>5.870.713.015</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

	Hoạt động Xây dựng VND	Hoạt động QL phần mềm VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng	-	10.852.835.989	1.732.352.347	12.585.188.336
<b>Tổng doanh thu</b>	-	<b>10.852.835.989</b>	<b>1.732.352.347</b>	<b>12.585.188.336</b>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	-	348.512.401	1.213.411.242	1.561.923.643
Kết quả kinh doanh bộ phận				11.023.264.693
Chi phí phân bổ			122.015.507	122.015.507
Chi phí không phân bổ				1.357.899.276
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				9.543.349.910
Doanh thu từ các khoản đầu tư				442.706
Chi phí tài chính				769.908.532
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp				2.770.802.919
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>2.770.802.919</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**15. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)**

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2015**

	Hoạt động Xây dựng VND	Hoạt động QL phần mềm VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>				
Tài sản bộ phận	20.753.833.041	3.008.972.075	90.570.280	23.853.375.396
Tài sản không phân bổ	-	-	-	22.597.600
<b>Tổng tài sản</b>	<b>20.753.833.041</b>	<b>3.008.972.075</b>	<b>90.570.280</b>	<b>23.875.972.996</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Nợ phải trả bộ phận	8.531.762.093	-	-	8.531.762.093
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	2.704.292.963
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>8.531.762.093</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.236.055.056</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

	Hoạt động Xây dựng VND	Hoạt động QL phần mềm VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	51.272.727	51.272.727
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>51.272.727</b>	<b>51.272.727</b>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	-	-	41.018.182	41.018.182
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	-	10.254.545	10.254.545
Chi phí không phân bổ	-	-	-	489.083.756
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	(478.829.211)
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	6.142
Lợi nhuận khác	-	-	-	-
Chi phí tài chính	-	-	-	42.264.441
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	(521.087.510)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>				<b>(521.087.510)</b>

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Biệt thự số 35BT5, khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam. Đồng thời, Công ty không có Công ty con hay chi nhánh nào khác.

Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.732.352.347	51.272.727
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.852.835.989	-
<b>Cộng</b>	<b>12.585.188.336</b>	<b>51.272.727</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.213.411.242	41.018.182
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	348.512.401	-
<b>Cộng</b>	<b>1.561.923.643</b>	<b>41.018.182</b>

**3. Chi phí tài chính**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lỗ chuyển nhượng Cổ phần	1.155.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(385.264.168)	-
Chi phí tài chính khác	172.700	42.264.441
<b>Cộng</b>	<b>769.908.532</b>	<b>42.264.441</b>

**4. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	1.464.045.455	399.188.700
Chi phí đồ dùng văn phòng	34.168.181	23.566.231
Hoàn nhập dự phòng	(706.162.653)	-
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	403.884.728	66.328.825
Chi phí bằng tiền khác	158.963.565	-
<b>Cộng</b>	<b>1.357.899.276</b>	<b>489.083.756</b>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.296.000	-
Chi phí bằng tiền khác	84.719.507	-
<b>Cộng</b>	<b>122.015.507</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**5. Thu nhập khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập từ cho thuê máy chủ	112.800.000	-
Các khoản thu từ xóa nợ phải trả	1.157.813.000	-
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Sara</i>	<i>843.988.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty liên doanh nền móng và công trình</i>	<i>283.825.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty cổ phần thang máy Thiên Nam</i>	<i>30.000.000</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>1.270.613.000</b>	<b>-</b>

**6. Chi phí khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thuế bổ sung phải nộp	337.403.561	-
Chi phí công trình dự án tồn đọng	6.781.373.174	-
<i>Dự án Mobipayment</i>	<i>52.996.079</i>	<i>-</i>
<i>Dự án phần mềm kế toán doanh nghiệp</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Dự án Vân Canh - Hà Tây</i>	<i>4.728.377.095</i>	<i>-</i>
Các khoản khác	42.117.430	-
<b>Cộng</b>	<b>7.160.894.165</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.770.802.919	(521.087.510)
Các khoản điều chỉnh	6.781.373.174	-
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được trừ</i>	<i>6.781.373.174</i>	<i>-</i>
Thu thập tính thuế TNDN	9.552.176.093	-
Lỗi các năm trước chuyển sang	(10.223.189.371)	(9.702.101.861)
Thuế suất thuế TNDN	<b>20%</b>	
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.770.802.919	(521.087.510)
(Lợi nhuận/(lỗ) trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ)	2.770.802.919	(521.087.510)
Trừ phần trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.770.802.919</b>	<b>(521.087.510)</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	2.000.000	2.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (i)</b>	<b>1.385</b>	<b>(261)</b>
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000
<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Năm 2016 VND</b>	<b>Năm 2015 VND</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.000.000	2.000.000
<b>Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu suy giảm</b>	<b>2.000.000</b>	<b>2.000.000</b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân công	1.464.045.455	279.188.700
Chi phí khấu hao tài sản cố định	348.512.401	348.512.401
Chi phí dịch vụ mua ngoài	985.597.498	80.302.576
Chi phí khác bằng tiền	243.683.072	147.044.431
<b>Cộng</b>	<b>3.041.838.426</b>	<b>855.048.108</b>

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**1. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn và các khoản phải thu ngắn hạn khác.

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự 35BT5, khu đô thị Pháp Vân-Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt  
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
 ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)***Hệ số đòn bẩy tài chính*

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.110.079.765	22.597.600
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	15.410.720.859	12.639.917.940
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,00%</b>	<b>0,00%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.110.079.765	22.597.600
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.035.219.909	685.179.223
Đầu tư dài hạn	-	2.914.735.832
<b>Cộng</b>	<b>17.145.299.674</b>	<b>3.622.512.655</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	2.559.791.186	9.123.714.403
Chi phí phải trả	312.970.000	15.310.400
<b>Cộng</b>	<b>2.872.761.186</b>	<b>9.139.024.803</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.



## **VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

### **1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

#### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn và giá hàng hóa.

#### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

#### *Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

#### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>31/12/2016</b>			
Tiền	4.110.079.765	-	4.110.079.765
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.035.219.909	-	13.035.219.909
<b>Cộng</b>	<b>17.145.299.674</b>	<b>-</b>	<b>17.145.299.674</b>
<b>31/12/2016</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	2.559.791.186	-	2.559.791.186
Chi phí phải trả	312.970.000	-	312.970.000
<b>Cộng</b>	<b>2.872.761.186</b>	<b>-</b>	<b>2.872.761.186</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>14.272.538.488</b>	<b>-</b>	<b>14.272.538.488</b>
	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>01/01/2016</b>			
Tiền	22.597.600	-	22.597.600
Phải thu khách hàng và phải thu khác	685.179.223	-	685.179.223
Đầu tư dài hạn	-	2.914.735.832	2.914.735.832
<b>Cộng</b>	<b>707.776.823</b>	<b>2.914.735.832</b>	<b>3.622.512.655</b>
<b>01/01/2016</b>			-
Phải trả người bán và phải trả khác	2.936.244.937	6.187.469.466	9.123.714.403
Chi phí phải trả	15.310.400	-	15.310.400
<b>Cộng</b>	<b>2.951.555.337</b>	<b>6.187.469.466</b>	<b>9.139.024.803</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(2.243.778.514)</b>	<b>(3.272.733.634)</b>	<b>(5.516.512.148)</b>

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

*Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2016*

	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>01/01/2016 VND</b>
Tạm ứng	236.181.542	-
Ông Đặng Quang Nam	236.181.542	-

**3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Biệt thự 35BT5, khu đô thị Pháp Vân-Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế.



\_\_\_\_\_  
**Đặng Quang Nam**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 03 tháng 03 năm 2017

\_\_\_\_\_  
**Phạm Thị Minh Thư**  
Phụ trách kế toán

\_\_\_\_\_  
**Phạm Thị Minh Thư**  
Người lập biểu